

## Chương IV

### MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 – 2000)

#### Bài 6

### NƯỚC MĨ

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Mĩ bước sang giai đoạn phát triển mới với tiềm lực kinh tế – tài chính và lực lượng quân sự to lớn. Dựa vào đó, các giới cầm quyền Mĩ theo đuổi mưu đồ thống trị toàn thế giới và nô dịch các quốc gia – dân tộc trên hành tinh.

#### I – NƯỚC MĨ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1973

*Về kinh tế*, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ.

Trong khoảng nửa sau những năm 40, sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm tới hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới (năm 1948 là hơn 56%). Năm 1949, sản lượng nông nghiệp Mĩ bằng hai lần sản lượng của các nước Anh, Pháp, Cộng hoà Liên bang Đức, Italia và Nhật Bản cộng lại. Mĩ nắm hơn 50% số tàu bè đi lại trên mặt biển, 3/4 dự trữ vàng của thế giới ; nền kinh tế Mĩ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành *trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới*.

Sở dĩ kinh tế Mĩ có được sự phát triển và sức mạnh to lớn như vậy là do một số yếu tố sau : 1. Lãnh thổ Mĩ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kĩ thuật cao, năng động, sáng tạo ; 2. Mĩ lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí và phương tiện chiến tranh ; 3. Mĩ đã áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất ; 4. Các tổ hợp công nghiệp – quân sự, các công ti, tập đoàn tư bản lũng đoạn Mĩ có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và có hiệu quả ở cả trong và ngoài nước ; 5. Các chính sách và biện pháp điều tiết của Nhà nước đóng vai trò quan trọng thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển.

*Về khoa học – kĩ thuật*, Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại và đã đạt được nhiều thành tựu lớn.

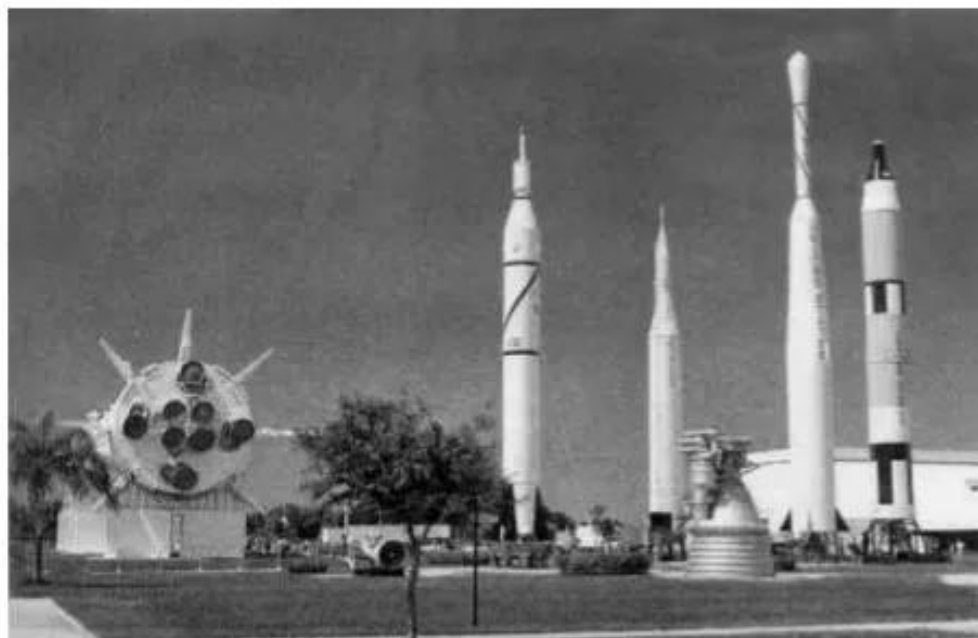
Mĩ là một trong những nước đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động), vật liệu mới (pôlime, vật liệu tổng hợp), năng lượng mới (năng lượng nguyên tử, nhiệt hạch), chinh phục vũ trụ (đưa người lên Mặt Trăng năm 1969) và đi đầu cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp v.v..

*Về chính trị – xã hội*, từ năm 1945 đến đầu những năm 70, nước Mĩ đã trải qua năm đời tổng thống (từ H. Truman đến R. Níchxơn). Chính sách đối nội chủ yếu của chính quyền Mĩ đều nhằm cải thiện tình hình xã hội. Mỗi đời tổng thống đưa ra một chính sách cụ thể nhằm khắc phục những khó khăn trong nước.

Đó là : “Chương trình cải cách công bằng” của Truman, “Chính sách phát triển giao thông Liên bang và cải cách giáo dục” của Aisenhao, “Bổ sung Hiến pháp theo hướng tiến bộ” của Kennơđi, “Cuộc chiến chống đói nghèo” của Giônxơn, “Chính sách mới về lương và giá cả” của Níchxơn v.v..

Đồng thời, chính quyền Mĩ luôn thực hiện những chính sách nhằm ngăn chặn, đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân và các lực lượng tiến bộ.

Luật Táp – Háclây (1947) mang tính chất chống công đoàn rõ rệt ; “chủ nghĩa Mác Cácti” tiêu biểu cho tư tưởng chống cộng sản ở Mĩ trong những năm 50.



Hình 18. Trung tâm Hàng không vũ trụ Kennơđi



Tuy là nước tư bản phát triển, là trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới,... nhưng nước Mĩ không hoàn toàn ổn định. Xã hội Mĩ vẫn chứa đựng nhiều mâu thuẫn giữa các tầng lớp xã hội.

Ở Mĩ, khoảng 400 người có thu nhập hằng năm từ 185 triệu USD trở lên, tương phản với 25 triệu người sống dưới mức nghèo khổ.

Trong bối cảnh đó, cuộc đấu tranh của nhân dân vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức.


Năm 1963, phong trào đấu tranh của người da đen chống nạn phân biệt chủng tộc bùng lên mạnh mẽ, thu hút 25 triệu người tham gia, lan rộng ra 125 thành phố. Từ năm 1969 đến năm 1973, những cuộc đấu tranh của người da đỏ vì quyền lợi của mình cũng diễn ra sôi nổi. Đặc biệt, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam đã làm cho nước Mĩ chia rẽ sâu sắc.

*Về đối ngoại*, Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.

Chiến lược toàn cầu của Mĩ được thực hiện và điều chỉnh qua nhiều chiến lược cụ thể, dưới tên gọi các học thuyết khác nhau, nhằm thực hiện ba mục tiêu chủ yếu : *một là*, ngăn chặn và tiến tới xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới ; *hai là*, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hoà bình, dân chủ trên thế giới ; *ba là*, khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.

Mĩ đã khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh, đồng thời trực tiếp gây ra hoặc ủng hộ hàng chục cuộc chiến tranh xâm lược và bạo loạn, lật đổ chính quyền ở nhiều nơi trên thế giới, tiêu biểu là việc tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 – 1975), dính líu vào các cuộc chiến tranh Trung Đông v.v..

Tháng 2 – 1972, Tổng thống Níchxơn sang thăm Trung Quốc, mở ra thời kì mới trong quan hệ giữa hai nước. Năm 1979, quan hệ ngoại giao giữa Mĩ và Trung Quốc được thiết lập. Đến tháng 5 – 1972, Níchxơn tới thăm Liên Xô, thực hiện sách lược hoà hoãn với hai nước lớn để chống lại phong trào đấu tranh cách mạng của các dân tộc.

 *Phân tích những nhân tố chủ yếu thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển nhanh trong giai đoạn 1945 – 1973.*

## **II – NƯỚC MĨ TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991**

Năm 1973, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, kinh tế Mĩ lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái kéo dài tới năm 1982.

Năng suất lao động từ năm 1974 đến năm 1981 giảm xuống còn 0,43%/năm. Hệ thống tài chính – tiền tệ, tín dụng bị rối loạn ; năm 1974, dự trữ vàng của Mĩ chỉ còn hơn 11 tỉ USD.

Từ năm 1983, kinh tế Mĩ bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về sức mạnh kinh tế – tài chính, nhưng tỉ trọng của kinh tế Mĩ trong nền kinh tế thế giới giảm sút nhiều so với trước.

Sau thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mĩ phải kí Hiệp định Pari (1973) và rút quân về nước, các chính quyền Mĩ tiếp tục triển khai “chiến lược toàn cầu”. Với học thuyết Rìgân, Mĩ vẫn tăng cường chạy đua vũ trang. Sự đối đầu Xô – Mĩ đã làm suy giảm vị trí kinh tế và chính trị của Mĩ trong khi Tây Âu và Nhật Bản lại có điều kiện vươn lên. Từ giữa những năm 80, xu hướng đối thoại và hoà hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới. Trong bối cảnh đó, tháng 12 – 1989, Mĩ và Liên Xô đã chính thức tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh, mở ra thời kì mới trên trường quốc tế.



*Hãy nêu những nét chính trong quan hệ đối ngoại của Mĩ giai đoạn 1973 – 1991.*

### III – NƯỚC MĨ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

Trong suốt thập kỉ 90, tuy có trải qua những đợt suy thoái ngắn, nhưng *kinh tế* Mĩ vẫn đứng đầu thế giới.

Năm 2000, GDP của Mĩ là 9 765 tỉ USD, bình quân GDP đầu người là 34 600 USD. Nước Mĩ tạo ra 25% giá trị tổng sản phẩm của toàn thế giới và có vai trò chi phối trong hầu hết các tổ chức kinh tế – tài chính quốc tế như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) v.v..


*Khoa học – kĩ thuật* của Mĩ vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Tính chung, Mĩ chiếm tới 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới.

*Về chính trị và đối ngoại*, trong thập kỉ 90, chính quyền B. Clinton theo đuổi ba mục tiêu cơ bản của chiến lược “Cam kết và mở rộng”. Đó là : 1. Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu ; 2. Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mĩ ; 3. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1989) và trật tự thế giới hai cực Ianta tan rã (1991), Mĩ càng tìm cách vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới.

Với sức mạnh kinh tế, quân sự, khoa học – kĩ thuật vượt trội, trong bối cảnh Liên Xô tan rã, Mĩ muốn thiết lập một trật tự thế giới “đơn cực”, trong đó Mĩ là siêu cường duy nhất, đóng vai trò lãnh đạo. Tuy nhiên, thế giới không bao giờ chấp nhận một trật tự do Mĩ đơn phương sắp đặt và chi phối. Vụ khủng bố ngày 11 – 9 – 2001 cho thấy, nước Mĩ cũng rất dễ bị tổn thương và chủ nghĩa khủng bố sẽ là một trong những yếu tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ khi bước vào thế kỉ XXI.

Mĩ bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 11 – 7 – 1995.

 *Nêu mục tiêu cơ bản của chiến lược “Cam kết và mở rộng” dưới thời Tổng thống B. Clinton.*

### **CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP**

1. Qua bài học và sách, báo, hãy nêu những thành tựu khoa học – công nghệ tiêu biểu của nước Mĩ mà em biết.
2. Nêu những nét chính trong chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 2000.